Quyển 6 (Kinh số 111 - 138)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

156 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN6 111. HỮU LƯU1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la.2 Bấy giờ, sau thời tọa thiền buổi chiều, Tỳ-kheo thi giả tên là La-đà3 đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nói về hữu lưu.4 Vậy thế nào là hữu lưu? Thế nào là hữu lưu diệt tận? Phật nói với Tỳ-kheo La-đà: Hay thay, câu hỏi của thầy! Như Lai sẽ vì thày mà giảng nói. Hữu lưu ở đây có nghĩa là nói đên hàng phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt, không biêt đúng như thật vê sự tập khởi của săc? sự diệt tận của săc? sự tai hại của săc? vi ngọt của săc và sự xuất ly săc. Vì không biêt như thật nên đôi với săc liên khởi tâm yêu thích, khen ngợi, chập thủ, đăm trước. Vì yêu thích sác nên châp thủ, do chấp thủ nên có hữu, do hữu nên có sanh, do sanh nên có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não tăng trưởng. Như vậy? toàn bộ khối khổ lớn liền tập khởi. Đối với tho, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là hữu lưu. Vi Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sác, vị ngọt của săc, sự tai hại của săc và sự xuất ly sác. Khi đã biêt như thật roi : r r r

thì không còn khởi tâm yêu thích, khen ngợi, châp thủ, đăm trước vào sác kia. Nhờ không yêu thích, khen ngợi, chấp thủ, đắm trước vào sắc nên sắc ái diệt tận; do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não hết thảy đều diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn được diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Đó gọi là hữu lưu và hữu lưu diệt tận mà Như Lai đã nói.

1 Tua đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.111. 0037c06). Tham chiếu: s. 23.3 - III. 190. 2 Ma-câu-la sơn (Makulapabbata). Theo Sử liệu bảo tháp (Thūpavarnsa), đây là ngọn núi ở thành Vương Xa (Rājagaha). Theo g.(r.02. 0125.38.7. 0723a08); Tăng-gia-ỉa-sắt sơ tập kinh (r.04. 0194.3. 0144Ò04); M. 116, Isigili Sutta (Kinh Thôn Tiên); DPPN xác định răng, sinh quán của Tôn giả Rãdha ở thành Vương Xá (Rājagaha), điêu này bô chính núi Ma-câu-la là một trong những ngọn núi ở thành Vương Xá. 3 La-đà (,Rādha). 4 Hữu lưu (oghā): Đó là 3 hữu, gồm dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Hữu liru là một trong 4 lưu. Xem định nghĩa vT lưu" tại Tg.(.0125.31.9. 0672bl9-c04).

QUYÊN 6 157

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

112. ĐOẠN TRI5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ, sau thời tọa thiền buổi chiều, Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nói đến sự đoạn tri67đối với sắc; đoạn tri đối với thọ, tưởng, hành, thức. Thưa Thế Tôn! Thế nào là sự đoạn tri đối với sắc? Thế nào là đoạn tri đối với thọ, tưởng, hành, thức? Phật nói với

Tỳ-kheo La-đà: Hay thay, câu hỏi của thầy! Như Lai sẽ vì thầy mà giảng nói. Nghĩa là sự lo, buồn, khổ, não đối với sắc đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ/ đó gọi là sự đoạn tri đối với sắc; sự lo, buồn, khổ, não đối với thọ, tưởng, hành, thức đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghí, đó gọi là sự đoạn tri đoi với thọ, tưởng, hành, thức. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

113. ĐOẠN TRỪ KHỔ8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả* Bấy giờ, số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà. Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngôi sang một bên roi hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn đoạn trừ khổ nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh.

Các tu sĩ ngoại đạo lại hỏi: -Tôn giả muốn đoạn trừ những khổ nào mà theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.112. 0037c24). Tham chiếu: s. 23.4 - III. 191. 6 Đoạn tri pariññeyyā): Nhờ buông xả và cát đứt nên được liễu tri, chỉ cho sự đoạn trừ phiền não do nhận thức toàn diện vê bôn Thánh đế. 7 Nguyên tác: Tận, ly dục, diệt, tức, một ().Thành cú. Tham chiếu: Phân biệt lục gìm kình (hoi. 0026.1620692al8): Tận, vo dục, diệt, tức, chi (,). 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.113. 0038a04).

Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn đoạn trừ sự khổ đối với sắc nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh; vì muốn đoạn trừ sự khổ đối với thọ, tưởng, hành, thức nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói những lời như vậy thì trong lòng không vui? liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Bấy giờ, Tôn giả La-đà thấy các tu sĩ ngoại đạo đã đi rồi, liền suy nghĩ: "Vừa rồi ta nói những lời như vậy không biết có phỉ báng Thế Tôn chăng? Có nói đúng như Phật đã nói chăng?9 Có nói đúng theo pháp ya thứ lớp của giáo pháp chăng?10 Sẽ không bi người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chống?” Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy thì không có lỗi lầm gì chăng? Sẽ không phỉ bang Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Con nói như vậy thì có đúng với lời Thế Tôn đã nói chăng? Nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng? Phật nói với Tỳ-kheo La-đà: Những lời thầy vừa nói đều đúng như thật, không hề phỉ báng Như Lai, nói đúng như Ta đã nói, nói đủng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Này Tỳ-kheo La-đà! sắc là khổ, vì muốn đoạn trừ khổ này nên thầy đã xuất gia tu Phạm hạnh; thọ, tưởng, hành, thức là khổ; vì muốn đoạn trừ khổ này nên thầy đã xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

114. BIẾT RÕ KHỔ11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả. Một hôm, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngoi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: -Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

9 Nguyên tạc: Như thuyết thuyết ().Tạp.(r.02. 0099.106. 0032c29) gọi là “nhu Như Lai thuyef9 (). 10 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammãnudhammă). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(r.02. 0099.27. 0005c20). 11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.114. 0038a28). Tham chiếu: s. 35.81 - IV. 50.

Tôn giả La-đà đáp: Vì để biết rõ khổ nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh.

Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy5 sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Sẽ không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?12 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?13 Phật nói với Tôn giả La-đà: Những lời thầy nói đều đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, nói đúng như Ta đã nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Bởi vì sắc là khô, vì đê biêt rõ sự khô này nên thây theo Như Lai xuât gia tu Phạm hạnh; thọ, tưởng, hành, thức là khổ; vì để biết rõ sự khổ này nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

115. DỨT SẠCH KHỔ14 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả. _ Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà? sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn dứt sạch buồn, lo, khổ, não và muốn được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngimg nghỉ15 đối với sắc nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Vì

12 Nguyên tác: Như thuyết thuyết ().Tạp.(r02. 0099.106. 0032c29) gọi là "nhu Như Lai thuyef,(). 13 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammânudhammà). Xem chú thích 68, kinh số TI, quyển l, tr. 24; Tạp.(r.O2. 0099.27. 0005c20). 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.115. 0038b16). 15 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một (,).Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.(r.02. 009935. 0008a05).

muốn dứt sạch buồn, lo, khổ, não và muốn được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ đối với thọ, tưởng, hành, thức nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu

sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liên đứng dậy trách măng roi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngôi sang một bên, sau đó đem đây đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Conkhông phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?16 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?17 Phật nói với Tôn giả La-đà: -Những lời thầy nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Này La-đà! Bởi vì sắc là buồn, lo, khổ, não; vì để đoạn trừ sự khổ này cho nên thầy theo . k . A ỉ í y 1 \ 9 Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là buôn, lo, khô, não; vì để đoạn trừ sự khổ này nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

ll6. NGÃ VÀ NGÃ SỞ TRÓI BUỘC 8 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả. Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-dà, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: -Vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lầm về ngã, ngã sở và phiền não ngã mạn đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;19 vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lầm về ngã, ngã sở và

16 Nguyên tác: Như thuyết thuyết .Tạp. 0.02. 0099.106. 0032c29 gọi là "nhu Như Lai thuyer . 17 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp ,dhammãnudhammà. Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.r.02. 0099.27. 0005c20. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.116. 0038c07. ^Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một ,.Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.T.02. 0099.35. 0008a05.

QUYỂN 6 161

phiền não ngã mạn đối với thọ, tưởng, hành, thức để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngôi sang một bên, sau đó đem đây đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: - Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?20 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?21 Phật nói với Tôn giả La-đà: Những lời thay nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bi người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lầm về ngã, ngã sở và phiền não ngã mạn đối với sắc để được lìa dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ; vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lâm vê ngã, ngã sở và phiên não ngã mạn đối với thọ, tưởng, hành, thức để được lìa

dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên thây theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

117. PHÁP HỮU LẬU22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả. Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-dà, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: Vì muôn đoạn trừ pháp hữu lậu, chướng ngại, nóng bức, sâu lo đôi với sác để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;23 vì muốn đoạn trừ pháp hữu

20 Nguyên tác: Như thuyết thuyết .Tạp.02. 0099.106. 0032c29 gọi là 4tnhư Như Lai thuyêt". 21 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp dhammãnudhammă. Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.T.n. 0099.27. 0005c20. 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.117. 0038c27. 23 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một .Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.T.02. 0099*35. 0008a05.

lậu, chướng ngại, nóng bức đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ nên tôi theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?24 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?25 Phật nói với Tôn giả La-đà: - Những lời thay nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp.26 Sở dĩ vì sao? Vì muốn đoạn trừ pháp hữu lậu, chướng ngại, nóng bức, sầu lo đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ; vì muốn đoạn trừ pháp hữu lậu, chướng ngại, nóng bức đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên thầy đã theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

118. ĐOẠN TRỪ BA ĐỘC (l)27 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả. Bây giờ, có sô đông tu sĩ ngoại đạo đi đên chô Tôn giả La-đà, chào hỏi nhau xong, họ ngoi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;28 vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với thọ, tưởng, hành,

24 Nguyên tác: Như thuyết thuyết ().Tạp.(02. 0099.106. 0032c29) gọi là "nhu Như Lai thuýết" (). 25 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammānudhammaṃ. Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(r(ù. 0099.27. 0005c20). 2 Bản Đại Chánh

thiếu, thêm 23 chữ dựa theo 3 bản Tông, Nguyên, Minh đê
bô sung. 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(,02. 0099.118. 0039a16). 28 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một (,).Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tĩ. 34; Tạp.(02. 009935. 0008a05).

thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngimg nghỉ nên tôi theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân đức Phật rồi lui ngồi một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?29 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?30 Phật nói với Tôn giả La-đà: Những lời thầy nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bi người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ; vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

119. THAM DỤC, ÁI DỤC VÀ HỶ DỤC31 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả. Bây giờ, có sô đông tu sĩ ngoại đạo đi đên chô Tôn giả La-đà, chào hỏi nhau xong, họ lui ngồi một bên và hỏi Tôn giả La-đà: -Vì lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn dứt sạch tham dục,32 ái dục,33 hỷ dục34 đối với sắc để được ly dục5 tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;35 vì muốn dứt sạch tham dục, ái dục, hỷ dục

29 Nguyên tác: Như thuyết thuyết .Tạp.T.02. 0099.106. 0032c29 gọi là "nhu Như Lai thuyef,. 30 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp dhammānudhammaṃ. Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.r.02. 0099.27. 0005c20. 31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.119. 0039b06. 32 Nguyên tác: Dục ,chỉ cho tham dục. DhsA. 1103 ghi là kāmarāga. 33 Nguyên tác: Ái chỉ cho ái dục. DhsA. 1103 ghi là kãmasỉneha. Cách viết khác: Kãmasneha. 34 Nguyên tác: Hỷ chỉ cho hỷ dục. DhsA. 1103 ghi là kãmanandĩ. 35 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một .Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.T.02. 009935. 0008a05.

đối với thọ? tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên tôi theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh.36 Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: -Kính bạch Thể Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi

ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đủng như Ngài đã nói chăng?37 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?38 Phật nói với Tôn giả La-đà: -Những lời thầy nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc. Thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Vì muốn dứt sạch tham dục, ái dục và hỷ dục đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ; vì đe dứt sạch tham dục, ái dục và hỷ dục đoi với thọ, tưởng, hành, thức uẩn đe được ly dục, tịch diệt, vang lặng và ngưng nghỉ nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

120. NĂM UẨN DO MA TẠO39 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả.

36 Xem thêm A. 4.10 - II. 10: Idha, bhikkhave, ekacco kāmānam samudayañca atthaṅgamañca [atthagamañca (sī. pī.)] assādañca ādīnavañca nissaranañca yathābhūtam nappajānāti. Tassa kāmānam samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādīnavañca nissaranañca yathābhūtam appajānato [nappajānato (syā. karn. ka.)] yo kāmesu kāmarāgo kāmanandī [kāmanandi (sī. syā. karri.)] kāmasneho kāmamucchā kāmapipāsā kāmaparilāho kāmajjhosānarn kāmatanhā sānuseti. Ayarn vuccati, bhikkhave, kāmayogo. Iti kāmayogo, (ơ đây, này các Ty-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dút, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục. Do như thất quán tri sự tạp khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly cua các dục nên dục tham, dục hỷ, dục luyến, dục đam mê, dục khát, dục não, dục chấp thủ, dục ái trong các dục không xâm chiếm va tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly dục ách), HT. Thích Minh Châu dịch. 37 Nguyên tác: Như thuyet thuyết).Tạp.(7.02. 0099.106. 0032c29) gọi là "nhu Như Lai thuyết^ (). 38 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammanudhamma). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(T.(Ỉ2. 0099.27. 0005c20). 39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. ê(r.02. 0099.120. 0039Ồ25). Tham chiếu: s. 23.1 - III. 198.

QUYỂN 6 165

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tỳ-kheo La-đà: Thầy hãy quán sát sắc ở quá khứ, ở tương lai hay trong hiện tại, hoặc bên trong hoặc bên ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả chúng đều do ma tạo ra; hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay trong hiện tại, hoặc bên trong hoặc bên ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng đêu do ma tạo ra. Phật hỏi Tôn giả La-đà: -Sắc này thường hay vô thường? Tỳ-kheo La-đà đáp: Kính bạch Thế Tôn, là vô thường! The Ton lại hỏi: Nấu sắc vô thường là khổ phải không? -Kính bạch Thế Tôn, là khổ! Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Đức Phật lại hỏi: -Này La-đà! Nếu đã là vô thường, tức là khổ, là pháp biến đổi, vậy thì vị Thánh đệ tử đa văn lẽ nào ở trong đó còn thấy sắc này là ta, hoặc không phải là ta, hoặc ở trong nhau chăng?40 - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo La-đà: -Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này không thấy là ta, là 1 r Z • ĩ . Z của ta sẽ không còn chập thủ đôi với các pháp thê gian. Vì không có gì chập thủ nên không có gì để dính mắc. Vì không

có gì để dính mắc nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

121. PHÁP CHÉT (l)41 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la42 và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thi giả.

40 Nguyên tác: Tương tại ()ở frong nhau. Xem Tạp.(r.02. 0099.57. 0014a23): Kiến sắc tại ngã nhi kiến ngã tại sắc (). 41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.121. 0039c14). Tham chiếu: s. 23.12 - m. 195. 42 Ma-câu-la (Makula). Xem chú thích 2, kinh số 111, quyển 6, tr. 156; Tạp.(T.02. 0099. 111. 0037c06).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả chúng đều là pháp chết.43 Những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng đêu là pháp chét. Rồi Phật hỏi La-đà: -Sắc là thường hay vô thường? La-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường! Đức Phật hỏi: - Những gì vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ! Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Những gì vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! -Nếu vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vi Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! Rồi Phật bảo Tỳ-kheo La-đà: Nếu vi Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này mà quán sát đúng như thật chẳng phải ta, chẳng phải của ta thì đối với các pháp thế gian không chấp thủ. Do không chấp thủ nên không dính mắc, do không dính mắc nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh nữa.,, Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

122. ĐỊNH NGHĨA VỀ CHÚNG SANH44

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ, Tỳ-kheo thị giả tên La-đà bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Nói về chúng sanh, vì sao gọi là chúng sanh?

43 Nguyên tác: Tử pháp (mārādhammā). 44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.122. 0040a04). Tham chiếu: s. 23.2 - III. 189.

Phật bảo Tỳ-kheo La-đà: Nhiễm trước, dính mắc đối với sắc, đó gọi là chúng sanh. Nhiễm trước, dính mắc đối với thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là chúng sanh. Rồi đức Phật lại bảo Tỳ-kheo La-đà: Ta nói rằng, đổi với cảnh giới của sắc, hãy hủy hoại, hãy

tiêu diệt; đối với cảnh giới của thọ, tưởng, hành, thức, hãy hủy hoại, hãy tiêu diệt và đoạn trừ ái dục. Một khi ái dục được đoạn trừ sạch thì khổ đau chấm dứt và khi khổ đau chấm dưt thì Ta gọi đó là vượt thoát khổ đau. Ví như ở trong làng có các bé trai, bé gái cùng nhau nô đùa, chúng dùng đất cát làm nhà cửa, thành quách, rồi tâm của chúng ưa thích, gắn chặt vào đó. Khi lòng ưa thích chưa hết, ham thích chưa hết, nhớ tưởng chưa hết, khát khao chưa hết thì tâm vẫn còn ưa thích, giữ gìn, cho rằng "thành quách của mình, nhà cửa của minh." Nếu đối với đống đất kia mà bọn trẻ không còn ưa thích nữa? đã hết ham thích, đã hết nhớ nghi, đã hết khát khao thì chúng sẽ dùng tay chân phủi đạp khiến tất cả tiêu tan. Cũng vậy, này La-đà! Đối với sắc thì hãy hủy hoại, tiêu diệt, không còn ái dục. Một khi ái dục được đoạn trừ sạch thì khổ đau chấm dứt và khi khổ đau chấm dưt thì Ta gọi đó là vượt thoát Idiổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

123. HỮU THÂN45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ, Tỳ-kheo thị giả tên La-đà đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngoi sang một bên và thưa rằng: Lành thay, bạch Thê Tôn! Xin hãy vì con lược nói pháp trọng yêu đê sau khi nghe pháp, con có thể một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung với mục đích mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác y hoại sắc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học đạo, nỗ lực tinh tấn, tu hành Phạm hạnh, ngay trong hiện đời tự biết, tự ngộ: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà: —Lành thay, La-đà có thể ở trước Như Lai hỏi về ý nghĩa này! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy nghe. La-đà! Nên biết ve hữu thân,46

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.123. 0040a19). Tham chiếu: s. 23.9 III. 193; S. 23.10-in. 194. • 46 Hữu thân (sakkdyà).

Sự tập khởi của hữu thân, sự diệt tận của hữu thân và con đường đưa đến sự diệt tận cua hữu thân. Thế nào là hữu thân? Đó là năm thủ uẩn:4748 sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Chính là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia, đó gọi là sự tập khởi của hữu thân. Thế nào là sự diệt tận của hữu than? Nghĩa là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia đã được trừ sạch hoàn toàn, đã xả ly, đã nhổ bỏ, đã diệt sạch, ly dục, tịch diệt, vắng lăng, đó gọi là sự diệt tận của hữu thân. Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là Thánh đạo tám chi phần, gồm chánh kiến, chánh tư duy,48 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tan,49 chánh niệm và chánh định, đó là con đường đưa đen sự diệt tận của hữu thân. Đối với hữu thân nên biết, đối với sự tập khởi của hữu thân nên đoạn, đối • z.. r • với sự diệt tận của hữu thân nên chứng, đôi với con đường đưa đên sự diệt tận của hữu thân nên tu. Này La-đà! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với hữu thân đã biết, đã đoạn; đối với sự tập khởi của hữu thân đã biết, đã đoạn; đối với sự diệt tận của hữu thân đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của hừa thân đã biết, đã tu, thì này La-đà, đó gọi là đoạn ái, lìa ái, chuyển hóa phiền

não, diệt sạch ngã mạn,50 vượt thoát khổ đau.51 Sau khi nghe đức Phật dạy, Tỳ-kheo La-đà hoan hỷ phụng hành rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ lui ra. Được Thế Tôn truyền dạy như vậy rồi, Tỳ-kheo La-đà một mình ở nơi thanh văng, chuyên tâm tư duy vê mục đích mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác y hoại sắc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học Kv L r • đạo, nô lực tinh tân, tu hành Phạm hạnh, ngay trong hiện đời tự biêt, tự ngộ: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.,, Thế rồi, Tỳ-kheo La-đà thành A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.52

47 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm ,cách dịch mới là tungũ thủ uẩn". 48 Nguyên tác: Chánh chí . 49 Nguyên tác: Chánh phương tiên . 50 Nguyên tác: Chỉ mạn vô gián đẳng 1Lsammā mānābhỉsamayã. 51 Nguyên tác: Cửu cánh khổ biên antamakāsi dukkhassa. 52 Nguyên tác: Thiện giải thoát ,suvimutta. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.r02. 0099.22. 0004c20.

Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

124. MA53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: Này Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gân thì hãy nên quán sát chúng đêu là ma. Những gì thuộc vê thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hãy nên quán sát • y • \ • JF V

chúng đêu là ma. Này La-đà! Thây nghĩ thê nào, sác là thường hay vô thường? La-đà bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, là vô thường! Đức Phật hỏi: - Những gì vô thường là khổ chăng? - Bạch Thế Tôn, là khổ! Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã chăng? -Bạch Thế Tôn, không nên! - Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên, này La-đà! Vị Thánh đệ tử đa văn nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Vì nhàm chán nên không yêu thích, vì không yêu thích nên đạt giải thoát, giải thoát tri kiến:54 "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

125. DO MA TẠO TÁC55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thi giả.

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.124. 0040b19). Tham chiếu: s. 23.11 - III. 195. 54 Giải thoát tri kiến (vimuttiñānadassana). 55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.125. 0040c06). Tham chiếu: s. 23.23 - III. 199.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả đều do ma tạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Rồi Phật hỏi La-đà: —Ý thầy thế nào? sắc là thường hay vô thường? La-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường!

Phật lại hỏi:

- Những gì vô thường là khổ chăng?

La-đà thưa:

-Bạch Thế Tôn, là khổ!

Phật lại hỏi:

—Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

La-đà thưa:

-Bạch Thế Tôn, là vô thường!

Phật lại hỏi:

- Những gì vô thường là khổ chăng?

La-đà thưa:

-Bạch Thế Tôn, là khổ!

Phật hỏi La-đà:

-Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng?

-Bạch Thế Tôn? không nên!

Đức Phật dạy:

- Thế nên, này La-đà! Vị Thánh đệ tử đa văn nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Vì nhàm chán nên không yêu thích, vì không yêu thích nên đạt giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt,

Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh."

Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh thứ ba56 cũng giống như vây, chỗ khác nhau là:

56 Ba kinh. Tạp.(r02. 0099.121. 0039cl4); Tạp.(7L02. 0099.124. 0040bl9); Tạp.(02. 0099.125. 0040C06).

QUYỂN 6 171

Đức Phật bảo Tỳ-kheo La-đà: Vị Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn nên quán sát chẳng phải là ta, chẳng phải của ta. Đã quán sát rồi thì đối với các pháp thế gian không còn chấp thủ. Do không châp thủ nên không dính mác, do không dính mác nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

126. PHÁP CHÉT (2)57 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: -Những gì thuộc về

sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế? hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hãy nên quán sát tất cả đều là pháp chết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. (Phăn tiếp theo giông như kinh trên). ***

127. PHÁP ĐOẠN (l)58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. _ _ Bay giơ, The Ton bao La-da răng: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hãy nên quán sát tất cả đều là pháp đoạn.59 Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy rồi thì đối với sắc sẽ sanh tâm nhàm chán. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sẽ sanh tâm nhàm chán. Do nhàm chán nên không yêu thích. Do không yêu thích nên đạt được giải thoát, giải thoát tri kiến, tự biết rằng: “Sụt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.126. 0040c28). Tham chiếu: s. 23.24 - III. 199. 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.127. 0041a05). Tham chiếu: s. 23.19-21 - III. 197; S. 23.22 - III. 197. • 59 Đoạn pháp (khayadhammā).

Cũng như kỉnh Quản sát pháp đoạn, các kinh Quản sát pháp diệt; Quán sát pháp xả bỏ; Quản sát pháp vô thường; Quán sát pháp kho; Quán sát pháp không; Quản sát pháp chẳng có ngã; Quán sát pháp vô thường, kho, không, vô ngã; Quán sát pháp bệnh; Quản sát pháp ung nhọt; Quán sát pháp gai nhọn; Quản sát pháp sát hại, Quản sát pháp góc rê giêt hại; Quản sát bệnh, ung nhọt, gai nhọn, giết hại và gốc rễ của giết hại; cũng được nói như kinh trên. ***

128. PHÁP ĐOẠN (2)60 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thi giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả hãy nên quán sát chúng đêu là pháp đoạn. Quán sát vậy roi thì đôi với sác, dục tham được đoạn trừ. Khi dục tham được đoạn trừ rồi thì Ta nói rằng tâm giải thoát hoàn toàn.61 Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Cũng vây, mười bốn kinh tiếp theo có nội dung như trên). ***

129. PHÁP ĐOẠN (3)62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: -Những gì thuộc vê sác, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả hãy nên quán sát chúng đều là pháp đoạn. Quán sát pháp đoạn vậy rồi thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Khi dục tham đã được đoạn trừ, Ta nói rằng tâm giải thoát hoàn toàn.63 Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.128. 0041a21). Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(02.

0099.22. 0004c2Ò). 62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.129. 0041a29). 63 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(r.02. 0099.22. 0004c2Ò).

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

130. NAM THỦ UẨN VÀ THỈNH CÀU ĐẠI sư64

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ ở vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

,

Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

Muốn đoạn năm thủ uẩn thì hãy thỉnh cầu Đại sư. Năm thủ uẩn là gì? Đó là sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Muốn đoạn năm thủ uẩn này thì hãy thỉnh cầu Đại sư.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

Như kinh "Nên đoạn... ", các kỉnh sau cũng được nói như vậy:

1. Nên biết.
2. Nên nhổ bỏ.
3. Nên đình chỉ.
4. Nên buông xả... cũng giống như thế.

Như kinh "Thinh cầu Đại sư... ", các kỉnh sau cũng được nói như vậy:

1. Bậc thây cao cả.
2. Bậc thầy dạy theo thứ lớp.
3. Bậc giáo giới.
4. Bậc giáo giới cao cả.
5. Bậc giảo giới theo thứ lớp.
6. Bậc thông suốt.
7. Bậc hiểu rộng thông suốt.
8. Bậc viên thông.
9. Bậc dẫn đường.
10. Bậc dẫn đường cao cả.
11. Bậc dẫn đường cứu cảnh.
12. Bậc thuyết giảng.
13. Bậc thuyết giảng rộng rãi.
14. Bậc thuyết giảng theo thứ lớp.

64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.130. 0041Ò07). Tham chiếu: s. 23.35-45 - III. 200; S. 23.46-III. 201. •

15. Bậc chân chánh.
16. Bạn đồng hành.
17. Bậc trí thức chân chảnh.
18. Người thân.
19. Người có lòng thương xót.
20. Người có lòng từ bỉ,
21. Người chuộng nghĩa.
22. Người an ôn.
23. Người chuộng an yên.
24. Người chuộng tiếp xúc.
25. Người chuộng an ủi.
26. Người có hoài bão.
27. Người tỉnh tấn.
28. Người biết phương tiện.
29. Người tinh cần.
30. Người mạnh mẽ.
31. Người vững chãi.
32. Người cứng cỏi.
33. Người kham nhẫn.
34. Người chuyên cần.
35. Người có tâm bát thoái.

36. Người giữ gìn vững chác.
37. Người thường tu tập.
38. Người không buông lung.
39. Người hòa hợp.
40. Người có tư duy.
41. Người có trí nhớ.
42. Người có tỉnh giác.
43. Người có hiểu biết.
44. Người sảng suốt.
45. Người trí tuệ,
46. Người biết tiếp nhận.
47. Người biết suy nghĩ.
48. Người Phạm hạnh.
QUYỂN 6 175
49. Người có niệm xứ.
\
50. Người có chánh cân.

51. Người có như ỷ túc.
52. Người có căn lành.
53. Người có sức khỏe.
54. Người có giác phần.
55. Người có đạo phần.
56. Người có thiền chỉ.
57. Người có thiên quán.
58. Người biết niệm thân.
59. Người chánh niệm.
***

131. THÂN CẬN VỚI SẮC65

Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nấu Sa-môn, Bà-la-môn nào thân cận với sắc sẽ bi tùy thuộc theo quyền lực của ma, rơi vào tay ma, chiều theo ý muốn của ma, bị ma trói buộc, không thoát khỏi ma chướng. Đoi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không thân cận với sắc, Sa-môn, Bà-la-môn đó không bị tùy thuộc theo quyền lực của ma, không rơi vào tay ma, không chiều theo ý muốn của ma, thoát khỏi sự trói buộc của ma, thoát khỏi ma chướng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cũng như Kinh thân cận, các kinh: 1. Thân cận dính mắc. 2. Vi ngọt. 3. Xác đinh dính mắc. 4. Dừng lại. 5. Sai sử. 6. Đi đến. 7. Lựa chọn.

65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.131. 0041b25).

8. Không buông xả. 9. Không nhổ bỏ... thì các Sa-môn, Bà-la-môn cũng bỉ tùy thuộc theo quyền lực của ma... cũng được nói như kinh trên. ***

132. KHÔNG THÂN CẬN VỚI SẮC6667 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. __ Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu Sa-môn5 Bà-la-môn nào không thân cận với sắc thì không bị tùy thuộc theo quyền lực của ma, không rơi vào tay ma, không chiều theo ý muốn của ma, không bi ma trói buộc, thoát khỏi ma chướng. Không thân cận với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cho đến "NhS bỏ sắc ”... cũng được nói như th&.67 ***

133. SÁU Cơ SỞ KIẾN CHẤP68 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Do có cái gì, do tập khởi cái gì, do dính mắc nơi cái gì, do chấp ngã nơi cái gì69 khiến chúng sanh bi vô minh che lấp, bi ái buộc cổ? phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử không biết đâu là cội nguồn?70 Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội

nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành.

66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.132. 0041c07). 67 Bản Hán tỉnh lược, các kinh tiếp theo được liệt kê như kinh Tạp.(02. 0099.131. 0041Ồ25), nhưng nội dung tương phản. Nghĩa là, tiếp theo kinh số 131; Tạp.(T02. 0099.131.0041Ồ25) là Kinh thân cân với sác thì kinh số 132; Tạp.(02. 0099.13,2. 0041c07) tiếp theo ở đây là 44khôngthân cận với sắ(?' cho đến 4tnhổ b6" và tương phản là ukhông nhổ bỏ.,, 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.133. 0041 c 14). Tham chiếu: Tạp. 0.02. 0099.142. 0Ò43a20); 's. 22.151 - III. 181; s. 24.2 - m. 203. 69 Nguyên tác: Hà sở kiến ng().Tham chiếu: s. 22.151 III. 181: Kim abhinivissa (Thiên chấp vê điều gì?), HT. Thích Minh Châu dịch. 70 Nguyên tác: Bản tế (,z?j kotī), chỉ cho cội nguồn vạn vật, cội nguồn chân lý.

QUYÊN 6^ 177

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thầy. Này các Tỳ- kheo! Do có sác, do sự tập khởi của sắc, do dính mác nơi săc, do châp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bi vô minh che lấp, bị ái trói cổ, phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? -Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Những gì vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu vô thường là khổ thì nỗi khổ này có mặt là do có sắc,71 do sự tập khởi của sắc, sự dính mắc nơi sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bi ái trói co, phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thê nên, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc vê săc9 hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cũng vậy, với cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, mong cầu, thủ đắc, nhớ nghĩ, cảm nhận, quán xét7273thì tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ton tại trong nhau. Thay như vậy gọi là có chánh tuệ. r \ / Nêu có nhận thức cho răng có ngã, có thê gian, có đời này là pháp thường hằng, không biến đổi thì tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã? chẳng ton tại trong nhau. Thay như vậy gọi là có chánh tuệ. Lại nữa, nếu có nhận thức cho rằng chẳng có ngã này, chẳng có ngã sở này, chẳng có ngã ở tương lai, chẳng có ngã sở ở tương lai thì tất cả chúng đều không phải ngã, không phải khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này,73 quán sát chúng không phải là ngã, không phải là ngã sở. Quán sát vậy roi sẽ cham dứt hoài nghi đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là vi Thánh đệ

71 Nguyên tác bị thiếu chữ "sắc"().Căn cứ vào thọ, tưởng, hành, thức được đề cập ở phần sau nên bổ sung. 72 Tham chiếu: s. 24.2 - III. 203: Yampidarn ditiharn sutam rnutam viññātarn pattamypariyesitarn anuvicaritarn manasā (Cái gì được thấy, được

nghe, được cảm đến, được biết, được tìm cầu, được ý tư duy...), HT. Thích Minh Chau dịch. 73 Nguyên tác: Lục kiến xứ ().Kiến xứ (ditthitthāna)'. Cơ sở của kiến chấp. Theo định nghĩa của M. 22, Alagaddūpama Sutta (Kinh ví dụ cọn rắn) và Ạ-lê-tra kinh (ro l. 0026.200. 0765c05), 6 kiến xứ chỉ cho sự cô châp vào 5 thủ uân và yêu tô thứ sáu là thê giới, xem đó là tôi, là tự ngã của tôi.

tử đa văn không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý khiến đọa ba đường ác nữa. Giả sử còn buông lung, vị Thánh đệ tử đa văn ấy nhất định vẫn hướng đến giác ngộ/4 tối đa bảy lần tái sanh vào cõi trời, cõi người sẽ chấm dứt khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

134. CHẤM DỨT HOÀI NGHI BỐN ĐẾ74 75 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. r _ r _ _ Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): -Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này quán sát chúng không phải là ngã, không phải ngã sở. Quán sát như vậy roi sẽ châm dứt hoài nghi đối với khổ, chấm dứt hoài nghi đối với tập, diệt, đạo. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn không còn tạo nghiệp nơi thân, miệng, ý khiến đọa ba đường ác nữa,... (nói rộng như vậy cho đến) chấm dứt khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

135. DỨT SẠCH HOÀI NGHI76 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Ắ T-V • y Ắ rr\ rpi 17 Z r-p y l 1 Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: (Giống như kinh 133 đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): Nếu vi Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này quán sát chúng không phải là ngã, không phải là ngã sở. Quán sát như vậy rồi sẽ chấm dứt hoài nghi đối với Phật, chấp dứt hoài nghi đối với Pháp, Tăng, khổ, tập, diệt và đạo... (nói rộng như vây cho đên) châm dứt khô đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

74 Nguyên tác: Tam-bồ-đề (,Sambodhi): Giác ngộ, Chánh đẳng giác, Niết-bàn. 75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.134. 0042a16). 76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.135. 0042a24).

136. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ 77 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Tôn hỏi các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Do có cái gì, do tập khởi cái gi, do dính mắc nơi cái gì, do chấp ngã nơi cái gì khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bi ái buộc cS, phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử không biết đâu là cội nguồn? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thây. Này các Tỳ- kheo! Do có sắc, do sự tập khởi của sắc, do dính mắc nơi

sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói cổ, phải rong ruổi đường dài, luân hôi sanh tử, lưu chuyên sanh tử. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là vô thường! The Ton hỏi: -Những gì vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là khổ! Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu vô thường là khổ thì nỗi khổ này có mặt là do có sắc/8 do sự tập khởi của sắc, do dính mắc nơi sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bi vô minh che lấp, bị ái trói cổ5 phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng chăng phải ngã, chăng phải khác ngã, chăng tôn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Đối với thọ? tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.136. 0042Ồ02). 78 Nguyên tác bị thiếu chữ sắc ().Căn cứ vào các yếu tố thọ, tưởng, hành, thức được đề cập ở phần sau nên bổ sung. Phần còn lại của kinh số 133; Tạp.(T.02. 0099.133. 0041 c 14).

Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, mong cầu, thủ đắc, nhớ nghĩ, cảm nhận, quán xét thì tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chăng tôn tại trong nhau. Thây như vậy gọi là có chánh tuệ. Nêu có nhận thức cho răng có ngã, có đời này, có đời khác, có thường, có hằng, không biến đổi thì tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Lại nữa, nếu có nhận thức cho rằng cái này không phải là ngã, không phải là ngã sở, không có ngã ở tương lai, không có ngã sở ở tương lai thì tất cả chúng đều không phải ngã, không phải khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này, quán sát chúng không phải là ngã, không phải ngã sở. Quán sát vậy roi sẽ châm dứt hoài nghi đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý khiến đọa ba đường ác nữa. Giả sử còn buông lung thì vị Thánh đệ tử đa văn ây nhát định vân hướng đên giác ngộ, tối đa bảy lần tái sanh vào cối trời, người rồi sẽ chấm dứt khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

137. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (2) Kỉnh thứ hai này19 nội dung cũng như thế, chỗ khác Yihau\ "Chấm dứt hoài nghi đối với khổ, tập, diệt, dạo.” ***

138. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (3) Kinh thứ ba này^ nội dung cũng như thế, chỗ khác nhau\ "Chấm dứt hoài nghi đối với Phật, Pháp, Tăng và khổ, tập, diệt, đạo.,8ỉ

79 Tạp.(r02. 0099.137. 0042c05). Kinh thứ nhất là kinh số 136; Tạp.(r02. 0099.136. 0042Ồ02). 80 Tạp. B (7.02. 0099 138 0042c07). 81 Bản Hán, hết quyển 6.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.